TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1051**/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 738/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn", giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Thu M**, sinh ngày 04/5/1981.

Số CCCD: 093181012401 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 23/7/2022

Địa chỉ: D Ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Lê Hồng H**, sinh ngày 01/01/1980.

Số CCCD: 093080011244 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 02/7/2021

Địa chỉ: D Ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01/6/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hồ Thị Thu M và ông Lê Hồng H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Thu M và ông Lê Hồng H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 20 quyển số: 01/2006 do Ủy ban nhân dân phường H, thị xã T, tỉnh Hậu Giang (nay là Ủy ban nhân dân phường N, Thành

phố Cần Thơ) cấp ngày 15/02/2006 cho bà Hồ Thị Thu M và ông Lê Hồng H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Hồ Thị Thu M và ông Lê Hồng H có 02 con chung là trẻ Lê Hoàng T, giới tính: Nam, sinh ngày 31/10/2006 (đã trưởng thành) và Lê Văn T1, giới tính: Nam, sinh ngày 27/12/2012. Sau khi ly hôn, bà Hồ Thị Thu M và ông Lê Hồng H cùng thống nhất giao 02 con chung là trẻ Lê Hoàng T, giới tính: Nam, sinh ngày 31/10/2006 (đã trưởng thành) và Lê Văn T1, giới tính: Nam, sinh ngày 27/12/2012 cho bà Hồ Thị Thu M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Lê Hồng H cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng.

Ông Lê Hồng H và bà Hồ Thị Thu M thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 01/7/2026 cho đến khi con chung trưởng thành. Các bên có quyền thỏa thuận phương thức và địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Trường hợp không thỏa thuận được thì các bên thực hiện giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Lê Hồng H không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà Hồ Thị Thu M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Lê Hồng H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Hồ Thị Thu M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Hồng H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông Lê Hồng H phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: Bà Hồ Thị Thu M và ông Lê Hồng H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Bà Hồ Thị Thu M và ông Lê Hồng H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.4. Về án phí: Bà Hồ Thị Thu M tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà Hồ Thị Thu M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số ký hiệu: 0024131 ngày 16/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Hồ Thị Thu M đã đóng đủ án phí

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 6a, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 10 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM:
- UBND phường Ngã Bảy, TP Cần Thơ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

2 000026 552208

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Dũng